| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **168**/2022/DS-ST
Ngày: 06/9/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Ông Tô Thanh Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà Vũ Ngọc Lan.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh*: Bà Trương Thị My Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 35/2021/TLST-DS ngày 24/3/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-DS ngày 26/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-DS ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S***.

Địa chỉ: 266-268 N.K.K.N, Phường I, Quận E, TP. HCM

Đại diện theo ủy quyền: Ông T.P.L– Giấy ủy quyền số 307A/GUQ-CNQ10 ngày 01/8/2022 (có mặt).

***- Bị đơn: Ông L.H.Q***, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 633/5F H.B, Phường Y, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt).

## *NỘI DUNG VỤ ÁN:*

*Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/05/2012 Ông L.H.Q có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là

ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của Ông L.H.Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng)
- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân
- Loại Thẻ: Family Local Credit-NOTISSUE
- Số thẻ: 970403-0468
- Lãi suất trong hạn: 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông L.H.Q đã thực hiện các giao dịch từ ngày 20/07/2012 đến ngày 22/05/2018 với tổng số tiền là 74,576,498 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông L.H.Q đã thanh toán (bao gồm vốn, lãi, phí...) cho Ngân hàng số tiền 84,349,000 đồng, trong đó:

- Vốn: 67.069.592 đồng
- Thanh toán phí, lãi: 17.279.408 đồng

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông L.H.Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông L.H.Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ, nên ngày 05/08/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, và đã chuyển toàn bộ dư nợ là 11.706.906 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng (tương đương 150% của lãi suất trong hạn).

Trong thời gian nợ quá hạn ông L.H.Q có thanh toán cho Ngân hàng 2 kỳ như sau:

- Ngày 22/10/2019: 3.000.000 đồng
- Ngày 22/04/2020: 1.200.000 đồng

Do đó sau khi trừ vào vốn gốc ông L.H.Q còn nợ số tiền gốc là: 7.506.906đ

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc và nhiều lần liên lạc với ông Q, Yêu cầu ông Q có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn còn thiếu, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Q vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do vậy, Ngân hàng TMCP S đã nộp đơn khởi kiện ông L.H.Q tại Tòa Án Q.6 buộc ông L.H.Q phải thanh toán khoản nợ thẻ cho Ngân hàng TMCP S, yêu cầu ông L.H.Q phải trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền tạm tính đến ngày 06/09/2022, ông L.H.Q còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 7.506.906 đồng.
- Lãi quá hạn : 16.332.534 đồng.

Tổng cộng: 23.839.440 đồng.

Ngoài ra Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa Án Quận Y, TP.HCM buộc ông L.H.Q phải thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực phát luật và khoản lãi phát sinh sau ngày 06/09/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn*: Ông L.H.Q vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án nên không có bản khai.

** Tại phiên tòa:*

- *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn* – Ông T.P.L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông L.H.Q phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2022 là 23.839.440 (hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng, trong đó

- Nợ gốc: 7.506.906 đồng.

- Lãi quá hạn: 16.332.534 đồng (lãi quá hạn được tính từ ngày 22/8/2018 đến ngày 06/9/2022)

Buộc ông L.H.Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

*Bị đơn*: Ông L.H.Q vắng mặt không lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu ý kiến:*

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 91, 96, 97, 98, Điều 177, Điều 205, 208, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm: thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần HĐXX, đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về phần thủ tục, phần hỏi và phần tranh luận, HĐXX cũng thực hiện đúng quy định.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông L.H.Q phải trả toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 06/9/2022 tổng cộng là 23.839.440 đồng bao gồm: Nợ gốc 7.506.906 đồng; lãi quá hạn 16.332.534 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/9/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Hội đồng xét xử nhận định:

*[Về tố tụng*:

- Thẩm quyền loại việc:

Ông L.H.Q ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản.

- Về Thẩm quyền lãnh thổ:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường Y, Quận Y về đương sự L.H.Q như sau: *"Đương sự L.H.Q (sinh năm 1987) có hộ khẩu thường trú tại 633/5F H.B Phường Y Quận Y ...*". Xét, Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với ông L.H.Q thuộc khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên Tòa án nhân dân Quận Y thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông L.H.Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/6/2022, ngày 15/7/2022 và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 17/8/2022 và ngày 06/9/2022 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L.H.Q là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên không yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.]

*[Về nội dung:*

Theo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 18/5/2012, ông L.H.Q có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), Hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn).

Ngày 20/7/2012, ông L.H.Q đã ký nhận và kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng, căn cứ vào bản tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp đề ngày 06/9/2022 thì xác định được bị đơn thực hiện giao dịch lần đầu tiên vào ngày 20/7/2012 với số tiền là 9.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L.H.Q đã thực hiện các giao dịch từ ngày 20/07/2012 đến 22/05/2018 với tổng số tiền là 74,576,498 đồng, trong quá trình vay và trả nợ thì ông L.H.Q đã thanh toán cho ngân hàng với tổng số tiền đã trả là 84,349,000 đồng. Kể từ ngày 05/08/2018 ông L.H.Q không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho nguyên đơn.

Đến ngày 03/02/2021 Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L.H.Q phải trả ngay cho Ngân hàng một lần số tiền nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/01/2021 là 18.331.032 đồng (trong đó nợ gốc: 7.506.906 đồng, lãi quá hạn: 10.824.126 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ông L.H.Q thực hiện các giao dịch và đã thanh toán được số tiền 74,576,498 đồng và còn nợ lại 23.839.440 đồng nhưng bị đơn đã không thanh toán. Như vậy, bị đơn đã vi phạm phần cam kết của hợp đồng, vi phạm các khoản 18, 19, 20 quy định về phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán, áp dụng thanh toán của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng; Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tin dụng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông L.H.Q phải thanh toán toàn bộ khoản nợ 23.839.440 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên là có cơ sở chấp nhận.

Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L.H.Q có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, cụ thể:

1/ Buộc ông L.H.Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S các khoản:

- Nợ gốc là 7.506.906 đồng,
- Lãi quá hạn là 16.332.534 đồng

Tổng cộng: 23.839.440 (Hai mươi ba triệu tám trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng.

2/ Kể từ ngày 07/9/2022, ông L.H.Q còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3/ Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông L.H.Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: là 1.191.972 đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 458.276 (bốn trăm năm mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0038568 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tô Thanh Sang**